

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2023

V/v: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân;
2. Ông Nguyễn Tấn Đạt.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ng**; sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G-L, xã C-M, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ.

- Bị đơn: Ông **Trần B**; sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G-L, xã C-M, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/6/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

* *Về quan hệ vợ chồng:* Bà và ông Trần B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Đến ngày 24/12/2000 bà và ông B mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã C-M, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ.

Sau khi kết hôn, đời sống hôn nhân giữa bà và ông B hạnh phúc bình thường trong khoảng thời gian dài, thỉnh thoảng có những mâu thuẫn nhỏ xảy ra nhưng vợ chồng tự hòa giải với nhau. Đến tháng 5 năm 2022 giữa bà và ông B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân chính làm phát sinh mâu

thuần vợ chồng là do ông B nghi ngờ bà sống không chung thủy nên ông B thường ghen tuông vô cớ. Bà làm công nhân tại Công ty sản xuất lâm sản T thuộc thôn V-Th, xã C-T, huyện Ph-C. Khi anh em công nhân của công ty tổ chức liên hoan, bà tham gia và về nhà khuya thì ông B nghi ngờ bà đi chơi đêm là có quan hệ nam nữ không trong sáng. Từ đây, ông B thường xuyên có hành vi bạo hành gia đình. Do bị ông B đánh đập, chửi bới, xúc phạm nhiều lần, thậm chí còn bị ông B đuổi ra khỏi nhà nên bà phải chuyển về sống chung với cha mẹ mình tại thôn Tr-Ch, xã C-M, huyện Ph-C một khoảng thời gian. Sau khi mẹ bà qua đời, tháng 3 năm 2023 bà quay lại sống chung với ông B, nhưng giữa bà và ông B vẫn sống trong tình trạng ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mức độ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

* *Về quan hệ con chung*: Giữa bà và ông B có 03 người con chung là Trần Quốc D; sinh năm 1999, Trần Thị Thu Ng; sinh năm 2004 và cháu Trần Quốc T; sinh ngày 01/12/2012. Hiện tại các anh D, chị Ng đã thành niên, đã có việc làm, có thu nhập để nuôi sống bản thân; cháu T đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Tại phiên tòa, bà Ng yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T thành niên.

* *Về quan hệ tài sản*: Tài sản chung của vợ chồng bà không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Trần B đã được Tòa án thông qua chính quyền địa phương tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, cố ý lẩn tránh, không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án là đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn cố ý lẩn tránh, không đến Tòa án tham gia tố tụng thì phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Về hướng giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình - 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ng, cho bà Ng được ly hôn với ông B. Về con

chung: giao cháu T cho bà Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; buộc ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần B cư trú tại thôn G-L, xã C-M, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ. Quá trình giải quyết vụ án, ông B đã nhiều lần được tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác để ông B đến Tòa án thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Tuy nhiên, ông B không gửi văn bản đến Tòa án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cố ý lẩn tránh, không tham gia tố tụng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn ông Trần B phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Bà Ng và ông B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Đến ngày 24/12/2000 bà Ng và ông B mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã C-M, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả bà Ng và ông B đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 5, 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; thẩm quyền đăng ký kết hôn và thủ tục đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình - 1986. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông B được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ng, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà Ng và ông B là vợ chồng, được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, đời sống hôn nhân giữa bà và ông B hạnh phúc bình thường trong khoảng thời gian dài. Theo bà Ng trình bày, đầu năm 2022 giữa bà và ông B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân chính làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do ông B đã có hành vi bạo hành gia đình nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mức độ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhưng cả hai bên không có biện pháp nào để hòa giải, hàn gắn tình cảm nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Trong giai đoạn chuẩn

bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án để ông B đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình; đồng thời tạo điều kiện cho ông, bà gặp nhau tại Tòa án để các bên có cơ hội hòa giải; chia sẻ, bỏ qua những thiếu sót của nhau, cùng nhau quay về đoàn tụ, nhưng ông B cố ý lẩn tránh và có thái độ bỏ mặc. Do vậy, HĐXX có đủ căn cứ để kết luận, quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[2.3] Về quan hệ con chung: Giữa bà Ng và ông B có 03 người con chung nhưng có 02 người con đã thành niên, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Riêng cháu Trần Quốc T; sinh ngày 01/12/2012 hiện đang được bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, bà Ng yêu cầu Tòa án giao cháu T cho bà tiếp tục nuôi dưỡng; yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà Ng, Tòa án thấy rằng: Từ khi bà Ng và ông B sống ly thân, bà Ng đưa cháu T về bên ngoại nuôi dưỡng. Mặc dù không được ông B quan tâm, chia sẻ việc nuôi con nhưng bà Ng vẫn đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, xét nguyện vọng của cháu T tại biên bản lấy ý kiến của cháu vào ngày 11/7/2023 thì cháu mong muốn được tiếp tục ở với mẹ. Do vậy, Tòa án xét giao cháu T cho bà Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa, bà Ng yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Ng, khả năng thực tế của ông B và nhu cầu thiết yếu của con tại địa phương thì thấy rằng yêu cầu của bà Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82, các Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[2.5] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí DSST: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV, bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí ly hôn; ông Trần B phải chịu án phí cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX nên Tòa án chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 264, 266, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm - 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần B.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn với ông Trần B.

1.2. *Về quan hệ con chung:*

- Bà Nguyễn Thị Ng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên giữa bà và ông B là cháu Trần Quốc T; sinh ngày 01/12/2012.

- Buộc ông Trần B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Quốc T mỗi tháng 1. 500.000 đồng cho đến khi cháu Tiến thành niên. Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là tháng 9/2023.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở;

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. *Về quan hệ tài sản:* Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí DSST:

2.1 *Án phí ly hôn:* Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011940 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

2.2 *Án phí cấp dưỡng:* Buộc ông Trần B phải nộp 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tổng đạt trực tiếp hoặc niêm yết công khai hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND huyện Phù Cát;
- THA DS huyện Phù Cát;
- UBND xã C-M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Quyến